TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2022/DS-PT
Ngày: 29/8/2022.
V/v "Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vĩnh
- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Tấn Tặng
Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Bùi Thị Kim Xuyến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2022/TLPT-DS ngày 22/6/2022 về việc: "*Tranh chấp lối đi qua bất động sản liền kề";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 219/2022/QĐPT-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp II, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/7/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư N, Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Quốc lộ I, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Quốc H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp II, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1957;

NLQ2, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NLQ3, sinh năm 1987;

NLQ4, sinh năm 2011; Đại Diện theo pháp luật của cháu Minh là NLQ3, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, Đồng Tháp. Hiện đang sinh sống: phường H, thành phố T, Tp. Hồ Chí Minh.

NLQ5, sinh năm 1991;

NLQ6, sinh năm 2011; Đại diện theo pháp luật của NLQ6 là NLQ5, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, Đồng Tháp. Hiện đang sinh sống: Quốc lộ I, khu phố I, phường H, thành phố T, Tp. Hồ Chí Minh.

NLQ7, sinh năm1991;

NLQ8, sinh năm 2009;

NLQ9, sinh năm 2012; Đại Diện theo pháp luật của NLQ8, NLQ9 là NLQ7, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, Đồng Tháp. Hiện đang sinh sống: phường H, thành phố T, Tp. Hồ Chí Minh.

NLQ10, sinh năm 1970.

NLQ11, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp I, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

(*Có mặt: Bà T, ông H và anh H; các đương sự còn lại vắng mặt; Luật sư H vắng mặt).*

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Quốc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngô Văn P, đại diện ủy quyền chị Bùi Thanh T trình bày:

Phần đất của anh P thuộc thửa 467, tờ bản đồ số 2, diện tích 324m^2 (ONT) được cấp QSDĐ ngày 22/3/2012, đất tọa lạc tại ấp I, xã B, huyện C, gia đình anh P đã sinh sống tại phần đất này hơn 30 năm. Từ phần đất của anh P đi ra lộ đal (nay là lộ nhựa) nông thôn thì phải đi bằng lối đi chung có chiều ngang khoảng 1,2m x 30m, diện tích khoảng 36m^2 mới tới lộ đal nông thôn và lối đi này cũng đã có từ trước đến nay trên 30 năm. Không riêng gì gia đình anh P mà còn có các hộ sinh sống và làm ruộng phải đi lại trên phần đất là lối đi này. Trước đây, năm 1985 -1987 bị đơn Huỳnh Quốc H đã rào lại ít nhất là 01 lần, nhưng sau đó ông được yêu cầu mở rào cho bà con tiếp tục đi và trong gia đình anh P có người cao tuổi hay bệnh già nên anh H đã gỡ hàng rào. Đến tháng

4/2020 trên lối đi chung này do không còn rào nữa nên anh H đã đào nhiều con hố (khe rảnh) cắt ngang lối đi, lấy cây chặng ngang nhằm không cho xe chạy, hạn chế lưu thông.

Việc anh H cố tình làm vật cản trên lối đi chung làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đi lại và sinh hoạt chung của gia đình anh P và các hộ còn lại. Đồng thời, trong gia đình anh P hiện có 01 người Bác cao tuổi, nên khi ốm đau để di chuyển ra đường đal đã mất thời gian, thêm việc anh H làm vật cản trên đường rất khó di chuyển và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của Bác khi lúc cấp bách.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn P yêu cầu: Buộc anh Huỳnh Quốc H mở lối đi chung có chiều ngang 1,2m x 30m, diện tích khoảng 36m^2, đất thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, Đồng Tháp để gia đình anh P được sử dụng. Do lối đi chung này đã có từ hơn 30 năm nên phần đất (lối đi chung) này thuộc Nhà nước không phải của anh Huỳnh Quốc H.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, anh P yêu cầu hộ ông Huỳnh Quốc H mở lối đi chung có chiều ngang 1,23m, chiều dài 01 cạnh 59,78, một cạnh 59,87m, diện tích 72,2m^2, đất thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã B, huyện C, Đồng Tháp để gia đình ông P và những người trong hộ được sử dụng đi lại.

- Bị đơn ông Huỳnh Quốc H trình bày:

Gia đình ông có diện tích đất tại ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Từ trước năm 1984, gia đình ông đã canh tác phần đất này, cất nhà và sinh sống cho đến nay. Ngày 08/01/2005, ông Ngô Văn N sinh năm 1961 (hiện nay đã chết) là chồng của bà Châu Yến H ở phía sau phần đất của ông có thỏa thuận với ông mượn con đường trên phần đất của ông để đi lại, giữa ông và ông N có hùng cho ông 03 triệu/ 04 triệu đồng theo hợp đồng và có giao là: "Khi ông trả lại cho ông N số tiền mượn trên thì hợp đồng giữa ông với ông N chấm dứt".

Trước đây gia đình ông N khó khăn phải di chuyển chỗ ở thường xuyên trước khi cất nhà ở phía sau nhà của, ông N cất nhà ngay đất anh T (quê ở B đã mua lại) cách vị trí hiện tại khoảng 150m, từ khi mua đất cất nhà cho đến nay thì ông T, cha, mẹ, anh, em của ông T đều đi và có đường đi ra Quốc lộ 30, kể cả những người trong nhà ông N đều đi được.

Do mẹ ruột, anh, em của ông N ở ngoài sông lớn phía trong nhà của ông nên ngày 08/01/2005 ông N có làm hợp đồng với ông mượn đường đi cho tiện qua lại với, mẹ, anh, em của ông N. Sau này đến khoảng năm 2010 gia đình ông N không còn sinh sống ở đây nữa do các con của ông N đi thành phố làm và sinh sống trên đó và ông N có mua nhà ở khu dân cư xã B đến khi ông chết về chôn gần nhà, ông vẫn thực hiện đúng theo như hợp đồng vẫn gia đình ông N về thăm nhà nhưng chỉ đi bộ (không được chạy xe). Đến tháng 8/2019, bà Châu Yến H có làm đơn thưa ông đến tổ hòa giải của ấp 2, xã B. Tổ 2 đã giải quyết và anh với bà H đã thỏa thuận, ông trả lại 3.000.000đồng và bà H đã nhận lại số tiền này, gia đình bà H không được đi trên đất của ông, anh có quyền rào lại,

biên bản có 02 bên chứng kiến và ký tên vào biên bản. Như vậy hợp đồng giữa anh và ông N đã hết hiệu lực pháp luật. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh P.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 475, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã B do anh H đang giữ bản chính, không có cầm cố hay thế chấp cho ai.

Ông P, anh H thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 04/3/2021; Biên bản định giá tài sản ngày 05/5/2021 của Tòa án và Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Từ thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm tra hiện trạng phần đất vào ngày 04/3/2021 đến nay thì phần đất đang tranh chấp không có thay đổi gì về hiện trạng, kiến trúc cũng như cây trồng.

- *Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn P về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc H phải mở một lối đi trên đất anh H cho gia đình anh P sử dụng.

Buộc anh Huỳnh Quốc H, NLQ10, NLQ11 có nghĩa vụ mở lối đi chung cho anh Ngô Văn P, NLQ3, NLQ5, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ6, NLQ4, NLQ1, NLQ2 có chiều ngang một cạnh 1,23m, chiều dài 01 cạnh 59,78,, một cạnh 59,87m, diện tích 72,2m^2, đất thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, Đồng Tháp trong phạm vi từ mốc 9 đến mốc 10 đến mốc 11 đến mốc 12 đến mốc 13 đến mốc 16 đến mốc 9 có kích thước như sau:

Mốc 9 đến mốc 10 dài 1,23m**;** Mốc 10 đến mốc 11 dài 4,59m; Mốc 11 đến mốc 12 dài 55,19m; Mốc 12 đến mốc 13 dài 1,23m**;** Mốc 13 đến mốc 16 dài 55,41; Mốc 16 đến mốc 9 dài 4,46m**;**

Buộc anh Huỳnh Quốc H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 có chiều ngang 1,23m trong phạm vi từ mốc 9 đến mốc 10.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 04/3/2021 của Tòa án và Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Anh Ngô Văn P có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Quốc H giá trị quyền sử dụng đất là 21.660.000đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Huỳnh Quốc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Ngô Văn P phải chịu 1.083.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số

0004464 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Số tiền án phí Ngô Văn P phải nộp tiếp là 783.000đồng.

- Về các chi phí tố tụng khác: Anh Ngô Văn P tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 5.714.846 đồng (Đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 08/3/2022 ông Huỳnh Quốc H là bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Ngô Văn P, đại diện ủy quyền chị Bùi Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Quốc H mở lối đi diện tích 72,2m^2.

+ Bị đơn ông Huỳnh Quốc H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý mở lối đi trên đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Quốc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Luật sư và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư N vắng mặt, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thanh T đồng ý việc vắng mặt của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án mà không có mặt ông N. Xét đề nghị của bà Thúy là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Ông Huỳnh Quốc H kháng cáo đồng ý mở lối đi. Xét thấy:

[2.1] Anh Ngô Văn P có phần đất thuộc thửa 476, tờ bản đồ số số 2, tọa lạc xã B, huyện C. Giáp cạnh là phần đất thuộc thửa 475 của ông Huỳnh Quốc H. Để ra lộ nông thôn (lộ công cộng) ông P phải đi ngang qua phần đất của anh H. Anh H cũng xác nhận, ngoài ông P còn có một số người dân khác có đất bên trong, muốn đi vào phần đất của mình thì họ cũng phải đi ngang qua phần đất anh H.

[2.2] Từ trước nay trên 30 năm, anh H vẫn tạo điều kiện và đồng ý cho gia đình anh P đi trên đất của anh H để ra lộ nông thôn, giữa ông Ngô Văn N (*là cha anh P, hiện ông N đã chết)* có thỏa thuận vào ngày 08/01/2005 *(BL 45*) như sau:

Anh H cho gia đình ông N được đi trên đất anh H để ra lộ, ông N cho anh H mượn 4.000.000đồng và giao: "*Khi ông trả lại cho anh Năm số tiền mượn trên thì hợp đồng giữa ông và anh Năm chấm dứt*".

Từ nội dung này, xét thấy từ trước đến nay gia đình ông N (nay là anh P) khi ra lộ nông thôn phải đi ngang qua đất của anh H. Lúc đầu là do ông N (cha anh P) thỏa thuận cho anh H mượn tiền để được sử dụng lối đi, nhưng nay anh H không cho lối đi, đã trả lại tiền thỏa thuận giữa anh H và bà H (mẹ anh P). Mặc dù gia đình anh P còn lối đi khác để ra lộ công cộng nhưng phải qua 03 chủ có bất động sản khác thì mới ra lộ, và không thuận tiện, đi lại rất khó khăn, do các chủ sở hữu này đã trồng chanh, xoài…. Hơn nữa, theo xác nhận của NLQ1, NLQ11 là người hàng xóm lân cận thì nơi anh P đang ở không có lối đi nào ra lộ công cộng thuận lợi khác. Đất anh P đang ở bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác, cho nên anh P yêu cầu được sử dụng lối đi trên đất của anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 245 và Điều 254 Bộ luật dân sự.

[3] Đồng thời khi anh P được sử dụng đất của anh H để làm lối đi thì anh P cũng trả giá trị QSD đất cho anh H. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H, anh Hậu cho rằng không thống nhất giá trị phần đất theo giá Hội đồng định giá tại Tòa án cấp sơ, nhưng không đưa ra giá khác để Hội đồng xét xử xem xét nên không chấp nhận ý kiến về giá của anh H, NLQ11.

[4] Từ đó, anh H kháng cáo không đồng ý mở lối đi cho anh P, nhưng không chứng minh được anh P có lối đi nào khác thuận tiện và hợp lý hơn sử dụng phần đất của anh H để làm lối đi ra Lộ công cộng. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Quốc H, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Quốc H phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Quốc H.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn P về việc yêu cầu ông Huỳnh Quốc H mở lối đi trên đất anh H cho gia đình ông P sử dụng.

+ Buộc ông Huỳnh Quốc H, NLQ10, NLQ11 có nghĩa vụ mở lối đi chung cho ông Ngô Văn P, NLQ3, NLQ5, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ6, NLQ4, NLQ1, NLQ2 có chiều ngang một cạnh 1,23m, chiều dài 01 cạnh 59,78, một cạnh 59,87m, diện tích 72,2m^2; đất thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã B, huyện C, Đồng Tháp trong phạm vi từ mốc 9 - mốc 10 - mốc 11 - mốc 12 - mốc 13 - mốc 16 - mốc 9 có kích thước như sau:

Mốc 9 đến mốc 10 dài 1,23m; Mốc 10 đến mốc 11 dài 4,59m; Mốc 11 đến mốc 12 dài 55,19m; Mốc 12 đến mốc 13 dài 1,23m; Mốc 13 đến mốc 16 dài 55,41; Mốc 16 đến mốc 9 dài 4,46m;

+ Buộc ông Huỳnh Quốc H có nghĩa vụ di dời hàng rào lưới B40 có chiều ngang 1,23m trong phạm vi từ mốc 9 đến mốc 10.

(*Kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 04/3/2021 của Tòa án và Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp).*

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Anh Ngô Văn P có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Quốc H giá trị quyền sử dụng đất là 21.660.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Quốc H phải chịu 300.000đồng.

+ Anh Ngô Văn P phải chịu 1.083.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004464 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; anh Ngô Văn P còn phải nộp tiếp là 783.000đồng.

- Các chi phí tố tụng khác: Anh Ngô Văn P tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền 5.714.846 đồng (đã nộp xong).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Quốc H phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007399 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (anh H đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. C;
- Chi cục THADS h. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (*vh*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh